TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:53/2022/HN-ST
Ngày: 25/7/2022
V/v "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Đấu;
2. Ông Nguyễn Thành Công;

-Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số: 148/2021/TLST-HN, ngày 02 tháng 4 năm 2021. Về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2022/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị S, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt –Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp Số 4, xã M, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt –Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị S trình bày: Do quen biết, chị với anh Phạm Văn G được gia

đình hai bên đồng ý cho tổ chức lễ cưới vào năm2008. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh năm 2009. Sau ngày cưới thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi với nhau. Chị với anh G đã bắt đầu sống ly thân với nhau khoảng từ đầu năm 2019 cho đến nay. Về con chung: có hai người gồm: Phạm Thị Diễm H, sinh ngày 30/01/2010, hiện đang sống với anh Giang và Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 12/11/2017, hiện đang sống với chị S. Về tài sản chung: vợ chồng không có tạo lập tài sản chung; về nơ chung: phải thu, phải trả không có.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hàn gắn không hạnh phúc nên chị Sát yêu cầu được ly hôn với anh Giang, về con chung: chị đồng ý cho anh Giang tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Diễm H, đối với cháu Phạm Thị Cẩm T, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Giang cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Văn G trình bày: Anh với chị S kết hôn do quen biết được sự đồng ý của hai bên gia đình nên anh chị đi đến hôn nhân vào năm 2008, Hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 02 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay, về quan hệ hôn nhân, anh G đồng ý ly hôn. Về con chung: Đối với cháu Phạm Thị Diễm H thì tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, đối với cháu Phạm Thị Cẩm T, anh G đồng ý cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực

hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81,82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị S; Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Phạm Văn G; Về con chung: có hai người gồm: Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 12/11/2017 và Phạm Thị Diễm H, sinh ngày 30/01/2010, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Phạm Thị Cẩm T cho chị Sát trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Phạm Thị Diễm H cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét; Về án phí: đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không nộp hoặc miễn nộp.

Tại phiên tòa hôm nay chị Thạch Thị S là nguyên đơn, anh Phạm Văn G là bị đơn; tất cả vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Thạch Thị S, bị đơn anh Phạm Văn G vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Thạch Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn G. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: anh Phạm Văn G là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Số 4, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[4]. Chị Thạch Thị S và anh Phạm Văn G đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào 31/7/2009 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị Thạch Thị S và anh Phạm Văn G là hôn nhân hợp pháp.

[5]. *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn*: Theo chị Thạch Thị S, anh Phạm Văn G đều cho rằng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi với nhau và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay; điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Thạch Thị S và anh Phạm Văn G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị S xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và xin được ly hôn với anh G là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị S được ly hôn với anh G.

[6]. *Về con chung*: có hai người gồm: Phạm Thị Diễm H, sinh ngày 30/01/2010, hiện đang sống với anh G và Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 12/11/2017, hiện đang sống với chị S. Nguyện vọng của cháu Phạm Thị Diễm H mong muốn được sống chung với anh G sau khi cha, mẹ ly hôn. Anh G, chị S tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con: Chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Cẩm T, anh Phạm Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Thị Diễm H, nghỉ nên ghi nhận ý kiến thỏa thuận của các đương sự,

[7]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8]. *Về tài sản chung*; Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị S và anh G xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9].*Về án phí*: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh G không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị S.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Phạm Văn G.

- *Về con chung*: Chị Thạch Thị S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 12/11/2017

Anh Phạm Văn G được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Thị Diễm H, sinh ngày 30/01/2010.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Thạch Thị S và anh Phạm Văn G xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Thạch Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004293, ngày 31/3/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị Thạch Thị S đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn G không phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

2. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
-UBND xã M, P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Huỳnh Sa Rên